

CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TÍNH MINH BẠCH CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG CÁC TẬP ĐOÀN VÀ TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC TẠI VIỆT NAM

TS. Đỗ Thị Thu Hằng*

Bài viết sử dụng dữ liệu của 19 tập đoàn kinh tế và Tổng công ty Nhà nước để kiểm tra mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến tính minh bạch của Báo cáo tài chính. Kết quả cho thấy, tác động của các nhân tố đến tính minh bạch của báo cáo tài chính, gồm: (i) Nhóm nhân tố bên trong doanh nghiệp như: chất lượng quản trị của DN, hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ, trình độ, năng lực của nhân viên kế toán; (ii) Nhóm nhân tố bên ngoài như: môi trường xung quanh như: cơ chế giám sát từ các cơ quan chức năng của Nhà nước, quy định pháp lý và chuẩn mực kế toán; sự tham gia của kiểm toán độc lập, áp lực từ công chúng, truyền thông và các bên liên quan (iii) Nhóm thuộc đặc điểm đặc thù của các doanh nghiệp: như sở hữu Nhà nước và mục tiêu không hoàn toàn lợi nhuận; sự can thiệp hành chính, cơ chế bổ nhiệm lãnh đạo. Qua đó, khuyến nghị giải pháp nâng cao tính minh bạch của báo cáo tài chính trong các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước.

• Từ khóa: nhân tố ảnh hưởng; tính minh bạch của báo cáo tài chính; tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

The article uses data from 19 economic groups and State-owned corporations to examine the level of influence of factors affecting the transparency of financial statements. The results show that the impact of factors on the transparency of financial statements includes: (i) Group of internal factors of the enterprise such as: quality of corporate governance, internal control and audit system, qualifications and capacity of accounting staff; (ii) Group of external factors such as: surrounding environment such as: supervision mechanism from State authorities, legal regulations and accounting standards; participation of independent auditors, pressure from the public, media and stakeholders (iii) Group of specific characteristics of enterprises: such as State ownership and non-profit objectives; administrative intervention, leadership appointment mechanism. Thereby, recommending solutions to improve the transparency of financial statements in State-owned corporations and groups.

• Key words: influencing factors; transparency of financial reports; corporations, state-owned corporations.

Ngày nhận bài: 17/7/2025

Ngày gửi phản biện: 23/7/2025

Ngày duyệt đăng: 02/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i300.11>

hoạt động và tạo niềm tin với các bên liên quan, việc nâng cao tính minh bạch của báo cáo tài chính (BCTC) là vấn đề cấp thiết, là một trong những vấn đề được các cơ quan quản lý của Nhà nước, các DN, các nhà nghiên cứu và các bên liên quan quan tâm. Tính minh bạch của BCTC không chỉ thể hiện sự trung thực, khách quan của tình hình tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí, lợi nhuận và dòng tiền của DN, giúp cho các đối tượng sử dụng thông tin của doanh nghiệp đánh giá được chính xác tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của DN, làm cơ sở cho việc ra quyết định kinh tế của họ mà còn là căn cứ quan trọng để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước, hiệu quả của công tác quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm giải trình. Song, tính minh bạch của BCTC phụ thuộc vào rất nhiều nhân tố khác nhau từ các nhân tố thuộc nội bộ DN đến các nhân tố bên ngoài như môi trường pháp lý và thể chế giám sát của Nhà nước. Bài viết tập trung phân tích các nhân tố chủ yếu tác động đến tính minh bạch của BCTC trong các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước, từ đó khuyến nghị các giải pháp nâng cao tính minh bạch của BCTC tại các đơn vị này.

1. Giới thiệu

Ở Việt Nam, trong những năm vừa qua, các tập đoàn và tổng công ty Nhà nước (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp: DN) luôn luôn giữ vị trí then chốt trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Để đảm bảo nâng cao hiệu quả

* Trưởng ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh- ĐH Thái Nguyên

2. Cơ sở lý thuyết

Tính minh bạch của BCTC là mức độ phản ánh trung thực, đầy đủ, kịp thời và dễ hiểu về các thông tin tài chính của DN đến các đối tượng sử dụng như: Cơ quan quản lý Nhà nước, nhà đầu tư, các tổ chức tài chính, tín dụng và các đối tượng khác quan tâm. Theo lý thuyết công bố thông tin (Disclosure Theory), minh bạch tài chính có vai trò làm giảm bất cân xứng thông tin giữa DN và các bên liên quan, từ đó nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực và niềm tin của thị trường. Bên cạnh đó, lý thuyết đại diện (Agency Theory) cũng chỉ ra rằng, trong mối quan hệ giữa người sở hữu (Nhà nước) và người điều hành (ban lãnh đạo DN), minh bạch tài chính là một công cụ quan trọng giúp cho việc kiểm soát hành vi người đại diện và hạn chế rủi ro đạo đức nghề nghiệp.

Cơ sở pháp lý

Cơ sở pháp lý tạo nền tảng để đánh giá mức độ tuân thủ và minh bạch tài chính của các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, mức độ thực hiện đảm bảo tính minh bạch của BCTC chưa có sự đồng đều giữa các DN và chịu ảnh hưởng của rất nhiều nhân tố khách quan và chủ quan. Cơ sở pháp lý cho lập, trình bày và công bố thông tin BCTC của các doanh nghiệp Nhà nước, bao gồm: (i) Luật Kế toán số 88/2015/QH13. Luật này đã có những Điều, Khoản quy định rõ ràng về nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm trong việc lập BCTC; (ii) Luật doanh nghiệp 2020. Luật này quy định về việc doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) thực hiện công bố thông tin theo đúng các quy định. Nghị định số 87/2021/NĐ-CP về quản lý và giám sát tài chính đối với DNNN và doanh nghiệp có vốn Nhà nước; (iii) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán doanh nghiệp; (iv) Các quy định từ Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại DN liên quan đến công bố thông tin tài chính, đặc biệt là báo cáo hợp nhất và công khai tài chính hàng năm. *Giả thuyết 1 là, cơ sở pháp lý có tác động cùng chiều đến tính minh bạch của BCTC nếu cơ sở pháp lý đảm bảo minh bạch, công khai, đầy đủ các quy định thuận tiện. Ngược lại, sẽ tác động ngược chiều.*

Giả thuyết và Mô hình nghiên cứu

Giả thuyết 1. Khung pháp luật có tác động đến tính minh bạch của BCTC trong các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước. Khung pháp luật thể hiện cụ thể bởi những quy định của Luật kế toán, chuẩn

mực kế toán Việt Nam hoặc IFRS và các văn bản hướng dẫn kế toán, trình bày và lập BCTC. Yêu cầu có tính pháp lý của các quy định buộc doanh nghiệp phải tuân thủ, trung thực trong việc trình bày thông tin trong quá trình hạch toán và lập BCTC. Từ đó, thúc đẩy tính minh bạch của BCTC trong doanh nghiệp. Pháp luật càng chặt chẽ, hướng dẫn càng rõ ràng thì BCTC càng minh bạch. Như vậy, giả thuyết 1 là khung pháp luật có tác động cùng chiều đến tính minh bạch BCTC trong doanh nghiệp.

*Giả thuyết 2. Sự can thiệp hành chính. Khi các kiểm soát thủ tục hành chính được kiểm soát chặt chẽ và công khai, rõ ràng, dễ tiếp cận sẽ tạo thuận lợi cho tính minh bạch của báo cáo tài chính. Khi ấy, nhân tố này có quan hệ cùng chiều đến tính minh bạch BCTC. Ngược lại, nếu kiểm soát hành chính quan liêu, phức tạp, thủ tục chồng chéo, yêu cầu hồ sơ rườm rà, giảm tính rõ ràng, khó tiếp cận thông tin tài chính, thậm trí gây kìm hãm cho việc giấu thông tin... khi đó nhân tố này có quan hệ ngược chiều. *Giả thuyết 2 là, sự can thiệp hành chính đối với các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước có tác động cùng chiều trong trường hợp công khai, rõ ràng theo hướng tích cực và có tác động ngược chiều theo hướng tiêu cực, không rõ ràng, vụ lợi**

*Giả thuyết 3. Áp lực của các bên liên quan có tác động cùng chiều. Mỗi bên liên quan có những đòi hỏi cụ thể đối với các DN để thực hiện tính minh bạch của BCTC. Đối với cổ đông và các nhà đầu tư, sự đòi hỏi độ chính xác, đầy đủ thông tin để làm căn cứ ra quyết định đầu tư, từ đó làm tăng tính minh bạch; đối với hội đồng quản trị, có sự giám sát chặt chẽ và yêu cầu nghiêm ngặt trong tuân thủ chuẩn mực kế toán và kiểm soát nội bộ sẽ nâng cao được tính minh bạch của BCTC... *Giả thuyết 3 là, áp lực của các bên liên quan có tác động cùng chiều đến tính minh bạch của BCTC**

*Giả thuyết 4. Đặc điểm của các tập đoàn, tổng công ty. Đối với các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước, là những doanh nghiệp có quy mô lớn, có hệ thống kế toán chuyên nghiệp, chịu sự giám sát chặt chẽ từ nhiều phía. Các doanh nghiệp này thuộc sở hữu Nhà nước hoặc có vốn của Nhà nước nên thường phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt hơn. Mặt khác, các doanh nghiệp này có cơ cấu tổ chức và hệ thống quản trị doanh nghiệp tốt, có sự phân quyền rõ ràng, có ban kiểm soát độc lập... Chính vì thế, thông tin trình bày trên BCTC có tính minh bạch cao hơn. *Giả thuyết 4 là, đặc**

điểm của các tập đoàn, tổng công ty có tác động cùng chiều đến tính minh bạch của BCTC.

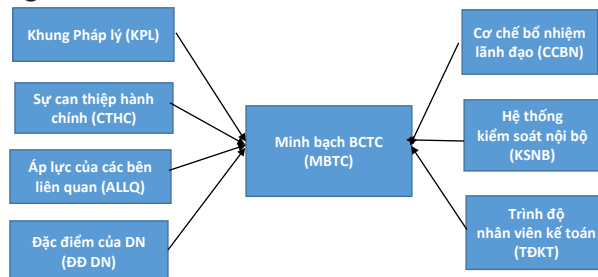
Giả thuyết 5. Cơ chế bổ nhiệm lãnh đạo. Cơ chế bổ nhiệm lãnh đạo thường mang tính hành chính-chính trị hơn là thị trường. Lãnh đạo cấp cao trong các tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước, do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm, không hoàn toàn dựa vào năng lực chuyên môn hoặc hiệu quả công việc mà nhiều trường hợp do mối quan hệ thân quen hoặc do sức ép nào đó. Hệ quả là những lãnh đạo này thường thiếu tính độc lập và trách nhiệm giải trình, chỉ quan tâm đến thành tích, dẫn đến chỉ đạo làm sai lệch số liệu, che giấu thông tin bất lợi, từ đó làm giảm tính minh bạch của BCTC. Như vậy, *giả thuyết 5 là Cơ chế bổ nhiệm lãnh đạo có tác động ngược chiều đến tính minh bạch của BCTC trong doanh nghiệp*;

Giả thuyết 6. Hệ thống kiểm soát nội bộ. Đây là nhân tố đóng vai trò chủ yếu trong việc đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và trung thực của thông tin BCTC. Hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả sẽ giúp cho doanh nghiệp ngăn ngừa và phát hiện những sai sót hoặc gian lận trong hạch toán và lập BCTC; tăng độ tin cậy của số liệu tài chính đối với các bên liên quan, đồng thời tăng cường tính tuân thủ pháp luật và chuẩn mực kế toán; nâng cao trách nhiệm giải trình. Ngược lại nếu hệ thống kiểm soát nội bộ yếu, kém, không hiệu quả, sẽ là kẽ hở cho việc sai sót, gian lận tài chính trong doanh nghiệp. Như vậy, *Giả thuyết 6 là, hệ thống kiểm soát nội bộ có tác động cùng chiều đến tính minh bạch của BCTC*;

Giả thuyết 7. Trình độ của nhân viên kế toán. Nhân viên kế toán có trình độ, năng lực chuyên môn cao, hiểu đúng và đầy đủ các chuẩn mực kế toán, các pháp luật có liên quan, có khả năng ghi nhận, phân tích và trình bày thông tin tài chính chính xác đầy đủ, kịp thời và khách quan; vận dụng phù hợp các công cụ kiểm soát nội bộ để phát hiện kịp thời và ngăn chặn gian lận trong hạch toán và lập BCTC; có đạo đức nghề nghiệp, nắm rõ chức năng, vai trò của kế toán, ít có sự sai sót sẽ tăng thêm tính minh bạch của BCTC. Ngược lại, nhân viên kế toán yếu, kém về chuyên môn, về công nghệ và đạo đức nghề nghiệp sẽ dễ bị chi phối bởi lãnh đạo hoặc sự can thiệp từ bên ngoài để làm sai lệch dữ liệu trong hạch toán và BCTC, từ đó làm giảm tính minh bạch của BCTC. *Giả thuyết 6 là, trình độ của nhân viên kế toán có tác động cùng chiều đến tính minh bạch của BCTC*.

Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở các giả thuyết nêu trên, mô hình nghiên cứu được đề xuất như sau:



$$MBTC = \beta_0 + \beta_1 * KPL_{li} + \beta_2 * CTHC_{2i} + \beta_3 * ALLQ_{3i} + \beta_4 * ĐĐDN_{4i} + \beta_5 * CCBN_{5i} + \beta_6 * KSNB_{6i} + \beta_7 * TĐKT + \varepsilon$$

Trong đó:

MBTC: biến phụ thuộc (tính minh bạch của BCTC)

X1-X7: các biến độc lập

$\beta_0 - \beta_7$: hệ số hồi quy

ε : là phần dư của hàm hồi quy hay là mức độ tác động bởi các nhân tố khác chưa được tìm thấy.

Phương pháp nghiên cứu

Thu thập dữ liệu của 19 tập đoàn, tổng công ty Nhà nước trong giai đoạn 2020-2024 (5 năm); sử dụng bảng hỏi để xin ý kiến đánh giá ảnh hưởng của nhân tố đến tính minh bạch của BCTC trong các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước được xây dựng theo thang đo Likert chấm điểm từ 1 đến 5 (1): không có ý kiến; (2): hoàn toàn không đồng ý; (3): không đồng ý; (4): đồng ý; (5): hoàn toàn đồng ý. Kết quả thu về 91 phiếu hợp lệ (đạt 95,78%). Sau khi làm sạch, mã hóa dữ liệu và sử dụng phần mềm SPSS 24 để phân tích.

Kết quả nghiên cứu

Bảng 1. Kết quả kiểm định thang đo

Biến đo lường	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach Alpha nếu loại biến này
1. Khung pháp lý (KPL); Cronbach Alpha = 0.814				
KPL1	9.53	9.118	.627	.764
KPL2	9.60	8.341	.726	.730
KPL3	9.52	9.260	.612	.771
KPL4	9.61	9.211	5.91	.784
2. Sự can thiệp hành chính (CTHC); Cronbach Alpha = 0.812				
CTHC1	11.56	14.282	.645	.761
CTHC2	11.52	14.781	.633	.768
CTHC3	11.71	14.312	.652	.764
CTHC4	11.42	15.231	.571	.780
3. Áp lực của các bên liên quan (ALLQ); Cronbach Alpha = 0.826				
ALLQ1	9.60	8.415	.644	.801
ALLQ2	9.56	8.983	.746	.747

Biến đo lường	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Crobach/Alpha nếu loại biến này
ALLQ3	9.45	8.428	.705	.769
ALLQ4	9.38	9.048	.570	.823
ALLQ5	9.53	9.846	5.46	.791
4. Đặc điểm doanh nghiệp (ĐDDN): Crobach/Alpha = 0.768				
ĐDDN1	10.57	3.022	.723	.632
ĐDDN2	11.18	3.128	.544	.738
ĐDDN3	11.12	3.451	.370	.815
ĐDDN4	10.45	3.257	.698	.652
5. Cơ chế bổ nhiệm lãnh đạo (CCBN): Crobach/Alpha = 0.822				
CCBN1	12.62	8.122	.353	.752
CCBN2	12.14	7.843	.448	.728
CCBN3	12.67	6.494	.471	.721
CCBN4	13.40	6.862	.664	.685
6. Hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB): Crobach/Alpha = 0.825				
KSNB1	13.71	8.162	.355	.753
KSNB2	13.12	7.852	.452	.729
KSNB3	13.69	7.481	.473	.731
KSNB4	13.60	6.865	.665	.680
7. Trình độ của kế toán trong doanh nghiệp (TĐKT): Crobach/Alpha = 0.824				
TĐKT1	11.73	4.032	.730	.680
TĐKT2	11.84	4.146	.652	.733
TĐKT3	11.16	4.451	.676	.745
TĐKT4	11.49	4.262	.694	.682
Minh bạch tài chính(MBTC); Crobach/Alpha = 0.872				
MBTC1	10.52	4.167	.703	.842
MBTC2	10.25	5.158	.689	.831
MBTC3	10.36	4.629	.826	.797
MBTC4	10.50	4.654	.788	.832

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý dữ liệu

Kết quả trên Bảng 1 cho thấy, hệ số Crobach/Alpha của biến độc lập và biến phụ thuộc đều lớn hơn (>) 0.7 và hệ số tương quan biến tổng của các quan sát đều > 0.3. Như vậy, các biến đều đảm bảo độ tin cậy và được dùng để phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Bảng 2. Hệ số KMO của các biến độc lập

	KMO (Kaiser-Meyer-Olkin)	.669
Kiểm định Bartlett	Bình phương xấp xỉ	378.841
	df	133
	Sig.	.000

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý

Kết quả Bảng 2 cho thấy chỉ số KMO=.669 thỏa mãn điều kiện $0.5 < KMO < 1$, cho thấy phân tích EFA phù hợp với dữ liệu khảo sát. Sig.=0.000 < 0.5. Như vậy, có sự tương quan tuyến tính giữa nhân tố đại diện và các biến quan sát. Mức giá trị Eigenvalues >1, kết quả phân tích được 6 nhân tố với 25 biến quan sát; phương sai trích = 73.231%, có nghĩa các biến quan sát giải thích được 73,23% sự thay đổi của các nhân tố đến minh bạch báo cáo tài chính trong các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước.

Bảng 3. Hệ số KMO của biến phụ thuộc

	KMO (Kaiser-Meyer-Olkin)	.802
Kiểm định Bartlett	Chi bình phương xấp xỉ	618.352
	df	7
	Sig.	.000

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý

Kết quả bảng 3 cho thấy, biến phụ thuộc (MBTC trong các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước), kết quả phân tích EFA có chỉ số KMO =.802, thỏa mãn điều kiện $0.5 < KMO < 1$ là phù hợp.

Bảng 4. Kết quả phân tích phương sai ANOVA

Mô hình	Tổng bình phương	df	Bình phương trung bình	F	Sig.
Hồi quy	19.623	6	3.881	8.846	.000 ^a
Dư	113.632	242	450		
Total	133.255	248			

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý

Kết quả phân tích ANOVA trên bảng 4, cho thấy giá trị F = 8.846, với Sig.=000 < 0.05, chứng tỏ R² của tổng thể khác 0, thể hiện mô hình phù hợp với tổng thể.

Bảng 5. Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình		Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa Beta	t	Sig
1	Hằng số	B	Sai số chuẩn			
		1.685	.520		3.221	.001
	KPL	.195	.076	.094	1.304	.030
	CTHC	.211	.092	.026	.237	.016
	ALLQ	.312	.144	.250	.2243	.000
	ĐDDN	-.171	.132	-.243	-2.050	.027
	CCBN	-.166	.081	-.231	3.329	.000
	KSNB	.368	.149	.258	3.425	.000
	TĐKT	.316	.133	.252	3.381	.000

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý

Kết quả trên bảng 5 cho thấy, tất cả các giá trị Sig đều < 0.05. Điều này, thể hiện cả 6 biến độc lập có mối tương quan với biến phụ thuộc MBTC trong các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước.

Phương trình hồi quy như sau:

$$MBTC = 1.685 + 0.195KPL + 0.211CTHC + 0.363 ALLQ - 0.171 ĐDDN - 0.166CCBN + 0.368KSNB + 0.316 TĐKT + \varepsilon$$

Sau khi chuẩn hóa hệ số góc của các biến độc lập, phương trình hồi quy chuẩn hóa được viết lại như sau:

$$MBTC = 0.094KPL + 0.026CTHC + 0.250ALLQ - 0.243ĐDDN - 0.231CCBN + 0.258KSNB + 0.252TĐKT$$

Kết quả hồi quy cho thấy, Kiểm soát nội bộ là nhân tố có tác động mạnh nhất đến tính minh bạch của BCTC trong các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước với hệ số Beta dương = 0.258 > 0; thứ hai là nhân tố Trình độ nhân viên kế toán của doanh nghiệp với Beta dương = 0.252 > 0; thứ ba là nhân

tổ Áp lực của các bên liên quan, với Beta dương $= 0.250 > 0$; thứ tư là nhân tố Khung pháp luật với Beta dương $= 0.094 > 0$; thứ năm là nhân tố Sự can thiệp hành chính của Nhà nước đối với doanh nghiệp với Beta dương $= 0.026 > 0$; thứ sáu là Cơ chế bổ nhiệm có tác động đến minh bạch thông tin BCTC trong các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước, với hệ số Beta âm $= -0.231 < 0$; cuối cùng là nhân tố đặc điểm của doanh nghiệp, với Beta âm $= -0.243 < 0$. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy bất kể doanh nghiệp có đặc điểm đặc thù như thế nào cũng cần phải quan tâm đến tính minh bạch của thông tin trình bày trên BCTC- Đó cũng là trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp đối với xã hội. Do đó, giả thuyết H4 có thể bị bác bỏ.

3. Kết luận và khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tính minh bạch của BCTC được tất cả các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước thuộc mọi lĩnh vực đều rất quan tâm. Mức độ tác động của các nhân tố được xếp theo thứ tự từ mạnh đến yếu, bao gồm: (1) Hệ thống kiểm soát nội bộ (2) Trình độ nhân viên kế toán trong doanh nghiệp; (3) Áp lực của các bên liên quan; (4). Sự can thiệp hành chính của Nhà nước đối với doanh nghiệp; (5) Khung pháp lý; (6) Cơ chế bổ nhiệm và (7) Đặc điểm của doanh nghiệp.

Từ kết quả trên, tác giả đề xuất khuyến nghị:

Một là, các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước cần xây dựng được một hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp, hoạt động có hiệu quả trên cơ sở xây dựng quy trình kiểm soát chặt chẽ, hợp lý, đảm bảo hoạt động độc lập để tăng cường sự kiểm soát trong tất cả các khâu của quy trình hạch toán, lập BCTC; kịp thời phát hiện những sai sót, gian lận tài chính; đảm bảo công khai, minh bạch và xử lý nghiêm những hiện tượng vi phạm...

Hai là, các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước cần nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ nhân viên kế toán trong doanh nghiệp thông qua việc đưa ra và thực hiện các tiêu chuẩn tuyển dụng phù hợp về chuyên môn, về công nghệ thông tin và đạo đức nghề nghiệp; tăng cường bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và kiến thức công nghệ thông tin một cách thường xuyên cho đội ngũ kế toán thông qua các chương trình phù hợp;

Ba là, quan tâm hơn đối với các áp lực của các bên liên quan, kể cả những sức ép chính thức và không chính thức từ các cơ quan của Chính phủ, cơ quan Báo chí tuyên truyền và xã hội; chủ động và tăng cường giao tiếp với các bên liên quan để

tổ chức các cuộc họp định kỳ với các cổ đông, các nhà đầu tư, ngân hàng, các cơ quan quản lý để giải thích rõ ràng về số liệu tài chính của doanh nghiệp; tham vấn kiến của chuyên gia; tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, đặc biệt là trong kiểm soát quá trình lập chứng từ, ghi sổ kế toán và lập BCTC

Bốn là, Chính phủ cần rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các văn bản pháp lý có liên quan đến các chính sách tài chính, kế toán; hoàn thiện chuẩn mực kế toán để đảm bảo sự phù hợp của chuẩn mực kế toán Việt Nam với chuẩn mực kế toán quốc tế; có chế tài phù hợp xử lý những trường hợp vi phạm các quy định đối với các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước.

Năm là, giảm bớt sự can thiệp hành chính của các Cơ quan quản lý Nhà nước đối với các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước để đảm bảo tăng cường tính chủ động của các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, cần thiết phải xây dựng cơ chế đặc thù, chịu trách nhiệm giải trình của các tập đoàn, tổng công ty... Sáu là, đối với Chính phủ, cần rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chính sách, các quy định pháp luật để tạo điều kiện cho các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước có đầy đủ cơ sở pháp lý trong hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán...

Sáu là, Nhà nước cần phải đổi mới cơ chế bổ nhiệm lãnh đạo các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước trên cơ sở dựa vào năng lực quản lý, năng lực chuyên môn và đảm bảo tính dân chủ để có được những lãnh đạo có đầy đủ bản lĩnh, có tầm nhìn xa, dám nghĩ, dám làm, có tinh thần đổi mới thực sự, quyết đoán nhằm đưa doanh nghiệp phát triển lên một tầm cao mới;

Bảy là, cấu trúc lại tập đoàn, tổng công ty Nhà nước phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế và công nghệ số phát triển ngày càng nhanh; phát huy tính chủ động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Tài chính (2020), Quyết định số 345/QĐ-BTC phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam.
- Jouini Fathi (2013), The Determinants of the Quality of financial information Disclosed by French Listed Companies, Mediterranean Journal of Social Sciences, Vol 4, No 2; Trithucviet.com.vn/tinh-minh-bach-thong-tin-tren-bao-cao-tai-chinh.html.
- Nguyễn Thị Huyền Trang (2025), "Giải pháp nâng cao tính minh bạch trong báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, kỳ 1 tháng 4/2025. Phaply.net.vn/minh-bach-bao-cao-tai-chinh-bai-hoc-phap-ly-cho-cac-doanh-nghiep-niem-yet-a255889.html